TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ–ST
Ngày: 24–12–2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp và bà Lý Thị Vinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tòng Văn Cách - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La *tham gia phiên tòa:* Ông Hà Văn Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 22-10-2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-11-2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12-12-2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18-12-2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bạc Cầm H, sinh ngày 07/9/1978. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tiểu khu X, xã QN, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Chị Lù Thị L, sinh ngày 02/12/1979. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tiểu khu X, xã QN, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bạc Cầm H trình bày:

Anh Bạc Cầm H và chị Lù Thị L kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 04/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã MG, huyện QN (nay là xã QN), tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng hiện tại đang sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống

của ai. Nay anh Bạc Cầm H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Lù Thị L.

Về con chung: Anh Bạc Cầm H và chị Lù Thị L có 02 con chung là cháu Bạc Thị H, sinh ngày 02/12/2001 và cháu Bạc Cầm P, sinh ngày 08/10/2003 (đã trưởng thành và có khả năng lao động). Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lù Thị L: Tòa án đã tiến hành triệu tập tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn chị Lù Thị L để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng chị Lù Thị L vẫn cố tình vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 30/10/2025 xác định: Anh Bạc Cầm H và chị Lù Thị L có kết hôn với nhau vào ngày 04/11/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MG, huyện QN (nay là xã QN), tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không bên nào ép buộc . Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn gia đình nên hiện tại anh H, chị L đang sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Anh H, chị L có 02 con chung là cháu Bạc Thị H, sinh ngày 02/12/2001 và cháu Bạc Cầm P, sinh ngày 08/10/2003 (đã trưởng thành và có khả năng lao động). Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Anh Bạc Cầm H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Anh H vẫn giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bạc Cầm H được ly hôn với chị Lù Thị L.

Về con chung: Cháu Bạc Thị H, sinh ngày 02/12/2001 và cháu Bạc Cầm P, sinh ngày 08/10/2003 (đã trưởng thành và có khả năng lao động). Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn anh Bạc Cầm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Bạc Cầm H yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Lù Thị L có nơi trú tại Tiểu khu X, xã QN, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Bạc Cầm H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn chị Lù Thị L đã được Tòa án triệu tập tống đạt hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bạc Cầm H và chị Lù Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã MG, huyện QN (nay là xã QN), tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, anh H, chị L là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị L chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Anh H và chị L đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, anh H yêu cầu ly hôn với chị Lù Thị L.

Tòa án đã tiến hành triệu tập tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn chị Lù Thị L để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng chị Lù Thị L vẫn cố tình vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của anh H, chị L không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian dài không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh H, chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Bạc Cầm H ly hôn với chị Lù Thị L.

[3] Về con chung: Anh Bạc Cầm H và chị Lù Thị L có 02 con chung là cháu Bạc Thị H, sinh ngày 02/12/2001 và cháu Bạc Cầm P, sinh ngày 08/10/2003 (đã trưởng thành và có khả năng lao động). Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Bạc Thị H và cháu Bạc Cầm P đã trưởng thành, có khả năng lao động, thu nhập để tự nuôi mình, nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bạc Cầm H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Lù Thị L không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Bạc Cầm H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bạc Cầm H được ly hôn với chị Lù Thị L.

2. Về con chung: Cháu Bạc Thị H, sinh ngày 02/12/2001 và cháu Bạc Cầm P, sinh ngày 08/10/2003 (đã trưởng thành và có khả năng lao động). Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bạc Cầm H xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị Lù Thị L không có ý kiến. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Bạc Cầm H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Sơn La, theo biên lai thu số 0000532, ngày 22/10/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Bạc Cầm H, chị Lù Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 – Sơn La (02 bản);
- Phòng THADS khu vực 2 – Sơn La;
- UBND xã QN, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tiến Dũng